



**KHAI TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (SAU SÁP NHẬP)**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Cà Mau				Kinh phí thực hiện Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND				Mức chênh lệch (do mở rộng không gian và mở rộng đơn vị thụ hưởng)
		Số lượng (người)	Hệ số	Mức chuẩn (đồng)	Kinh phí (đồng)	Số lượng (người)	Hệ số	Mức chuẩn (đồng)	Kinh phí (đồng)	
A	B	1	2	3	4 = 1*2*3*12 tháng	5	6	7	8 = 5*6*7*12 tháng	9 = 8 - 4
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội Cà Mau	61			3.243.240.000	61			3.243.240.000	
	Viên chức, người lao động gián tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội	13	1.5	2.340.000	547.560.000	13	1.5	2.340.000	547.560.000	
	Viên chức, người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội	48	2.0	2.340.000	2.695.680.000	48	2.0	2.340.000	2.695.680.000	
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bạc Liêu					52			2.569.320.000	2.569.320.000
	Viên chức, người lao động gián tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội					25	1.5	2.340.000	1.053.000.000	1.053.000.000
	Viên chức, người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội					27	2.0	2.340.000	1.516.320.000	1.516.320.000
3	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần	102			5.531.760.000	102			5.531.760.000	
	Viên chức, người lao động gián tiếp chăm sóc đối tượng tâm thần	14	1.5	2.340.000	589.680.000	14	1.5	2.340.000	589.680.000	
	Viên chức, người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng tâm thần	88	2.0	2.340.000	4.942.080.000	88	2.0	2.340.000	4.942.080.000	

4	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (nay là Trường giáo dục chuyên biệt tỉnh Cà Mau)	57			3.102.840.000	57			3.102.840.000	
	Viên chức, người lao động gián tiếp chăm sóc đối tượng	7	1.5	2.340.000	294.840.000	7	1.5	2.340.000	294.840.000	
	Viên chức, người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng	50	2.0	2.340.000	2.808.000.000	50	2.0	2.340.000	2.808.000.000	
5	Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật – mồ côi Nhân Ái	20			842.400.000	20			842.400.000	
	Người lao động trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội	20	1.5	2.340.000	842.400.000	20	1.5	2.340.000	842.400.000	
6	Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi Hưng Phước	6			252.720.000	6			252.720.000	
	Người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội	6	1.5	2.340.000	252.720.000	6	1.5	2.340.000	252.720.000	
7	Làng trẻ em SOS tỉnh Cà Mau	11			463.320.000	11			463.320.000	
	Người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng trẻ em	11	1.5	2.340.000	463.320.000	11	1.5	2.340.000	463.320.000	
8	Cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi Vĩnh Phước An					11			463.320.000	463.320.000
	Người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội					11	1.5	2.340.000	463.320.000	463.320.000
9	Cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi Long Phước					4			168.480.000	168.480.000
	Người lao động trực tiếp chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội					4	1.5	2.340.000	168.480.000	168.480.000
Tổng cộng					13.436.280.000				16.637.400.000	3.201.120.000

- Tổng kinh phí thực hiện là: 16.637.400.000 đồng/năm.

- Số tiền bằng chữ: Mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng.